

Phó phòng phân tích

**Ngô Thế Hiến**

Hien.nth@shs.com.vn

## Khuyến nghị:

**KHẢ QUAN**

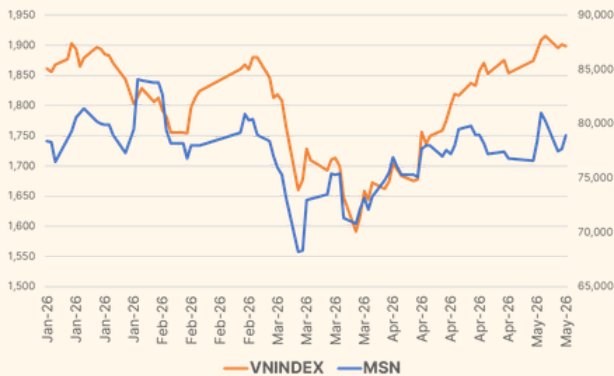
Giá hiện tại (13/05/2026): 78.900 VND

**Giá mục tiêu 98.300 VND**

## Thông số cơ bản:

Vốn hóa (tỷ VND):	114.082
Số lượng CP lưu hành:	1.445.915.457
KLCP đang niêm yết:	1.445.915.457
KLGD TB 60 phiên (CP):	6.618.000
Giá thấp 52w:	60.900
Giá cao 52W:	94.000
Sở hữu NĐT nước ngoài:	24,96%
Free-float:	51%

## Diễn biến giá cổ phiếu



(Tỷ VND)	2024	2025	2026F
Tổng tài sản	147,585	128,963	146,867
VCSH	30,242	35,348	40,397
Doanh thu	83,178	81,621	97,845
LNST	4,272	6,764	8,313
ROE	7.0%	12.5%	13.6%
ROA	1.4%	3.0%	3.6%
EPS (VND)	1,321	2,702	3,321
BVPS (VND)	19,989	23,248	26,569
P/B (x)	4.9	4.2	3.7
P/E (x)	74.4	36.4	29.6

Nguồn: SHS Research, FiinProX

## CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I 2026

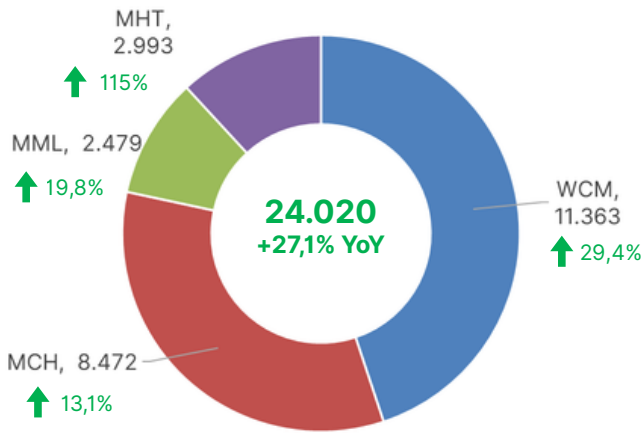
**Doanh thu, lợi nhuận ghi nhận tăng trưởng tích cực trên tất cả các mảng kinh doanh.**

Chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với mã cổ phiếu MSN.

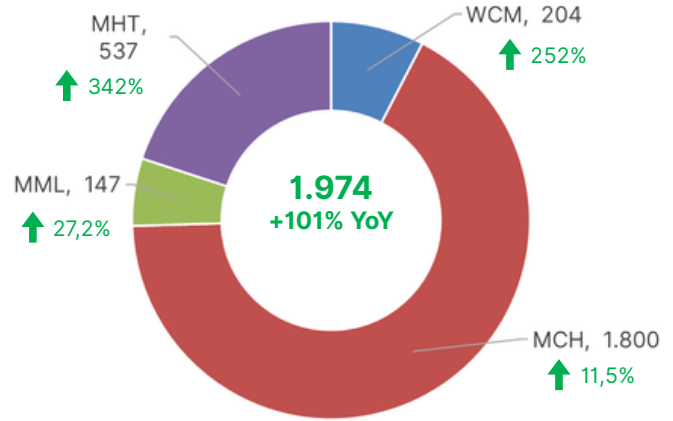
- Quý I năm 2026, MSN ghi nhận doanh thu đạt 24.020 tỷ đồng (+27% YoY), lãi sau thuế 1.973,5 tỷ đồng (+100% YoY). Năm 2026, Công ty đặt kế hoạch theo 2 kịch bản doanh thu tăng trưởng 14,5%-20% (93.500 tỷ - 98.000 tỷ đồng), lợi nhuận tăng trưởng từ 7%-17% (7.250 tỷ - 7.900 tỷ đồng). Theo đó MSN đã hoàn thành 24,5% KH về doanh thu và 25% KH lợi nhuận theo kịch bản cao.**
- Masan Consumer (MCH) lợi nhuận quay trở lại đà tăng trưởng sau quá trình triển khai Retail Supreme, ghi nhận 1.800 tỷ đồng (+11,5% YoY) với đà tăng trưởng tích cực tại mảng gia vị và hóa mỹ phẩm.
- WinCommerce tiếp tục đẩy mạnh mở mới cửa hàng (4 tháng mở mới 348 cửa hàng) đặc biệt tập trung tại khu vực nông thôn. Doanh thu Quý I tăng 29,4% YoY (tháng 4 tăng 28% YoY), ghi nhận có lãi 7 quý liên tiếp với 204 tỷ đồng sau thuế (+250% YoY).
- Masan MEATLife (MML) ghi nhận doanh thu tăng 19,8% nhờ các sản phẩm thịt đặc biệt là thịt chế biến với các sản phẩm mới nhãn hiệu Ponnice và Heo Cao Bồi. EBIT tăng gấp 3 lần cùng kỳ, lãi sau thuế +27%.
- Masan High Tech Material (MSR) ghi nhận tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận đột biến nhờ giá sản phẩm Vonfram tại cuối Quý I tăng gấp hơn 5 lần cùng kỳ, sản lượng tiêu thụ tăng 34%. Công ty đã gia hạn giấy phép khai thác tới năm 2031.
- Phúc Long Heritage mở mới thêm 3 cửa hàng trong Quý I, doanh thu tăng 34% YoY, lãi sau thuế tăng 80,8% YoY. Công ty dự kiến sẽ mở thêm 12 cửa hàng trong Quý II.
- MSN ghi nhận lãi 1.316 tỷ đồng từ công ty liên kết TCB.
- Tổng nợ vay của MSN tương ứng 1,4x vốn chủ sở hữu (giảm so với 1,44x cuối năm 2025). Tỷ lệ nợ ròng/EBITDA của MSN là 2,74 (2025 là 2,7), hệ số EBIT/ Lãi vay tiếp tục đà cải thiện qua từng quý từ mức 0,6x (2023) lên 1,62x.
- Chúng tôi dự báo cả năm 2026, MSN có thể ghi nhận 97.845 tỷ đồng doanh thu thuần (+20% YoY) và 8.313 tỷ đồng lãi sau thuế (+23% YoY), EPS dự phóng đạt 3.321 đồng.

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA MSN:**

**Cơ cấu doanh thu Quý I/2026 (tỷ VND)**

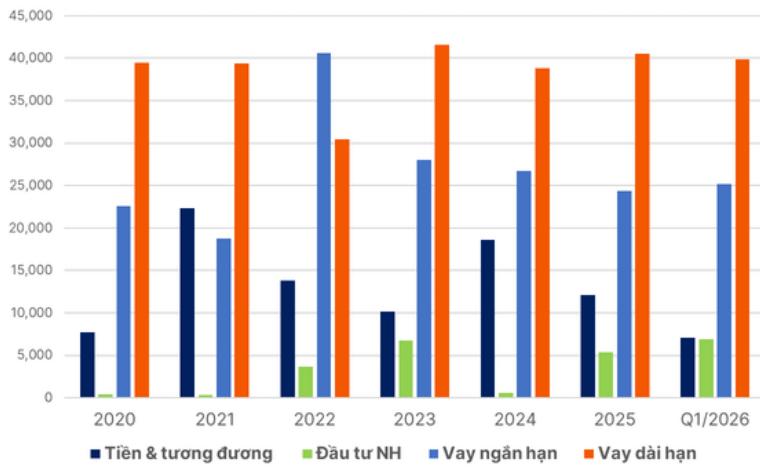


**Cơ cấu lãi sau thuế Quý I/2026 (tỷ VND)**

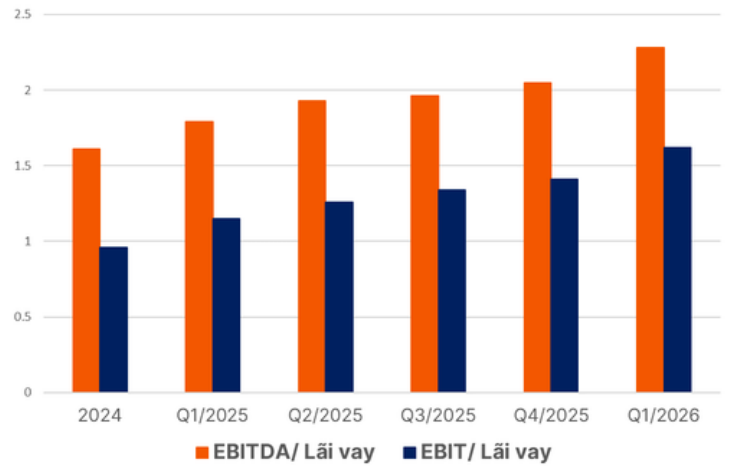


Nguồn: MNS, SHS Research

**Một số chỉ tiêu tài chính (tỷ VND)**



**Một số chỉ tiêu tài chính**



Nguồn: MSN, Fiingroup, SHS Research

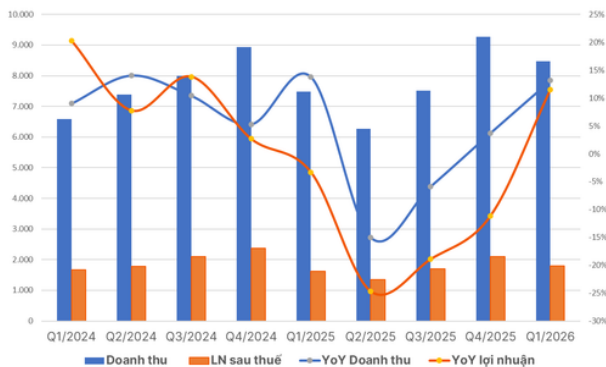
**Kế hoạch KQKD 2026 (tỷ VND)**

	2025	2025/2024	2026 KH (nghìn tỷ đồng)		2026/2025		Q1/2026	% so KH
			Kịch bản thấp	Kịch bản cao	Kịch bản thấp	Kịch bản cao		Kịch bản cao
<b>Doanh thu</b>	<b>81.621</b>	<b>87%</b>	<b>93.500</b>	<b>98.000</b>	<b>15%</b>	<b>20%</b>	<b>24.020</b>	<b>24,5%</b>
WCM	38.979	183%	45.000	47.000	15%	21%	11.363	24,2%
MCH	30.557	-11%	33.800	35.000	11%	15%	8.472	24,2%
MML	9.230	207%	10.100	10.500	9%	14%	2.479	23,6%
PLH	1.891	167%	2.300	2.500	22%	32%	569	22,7%
MHT	7.443	188%	16.000	20.300	115%	173%	2.993	14,7%
<b>LNST trước cổ đông thiểu số</b>	<b>6.764</b>	<b>583%</b>	<b>7.250</b>	<b>7.900</b>	<b>7%</b>	<b>17%</b>	<b>1.974</b>	<b>25%</b>

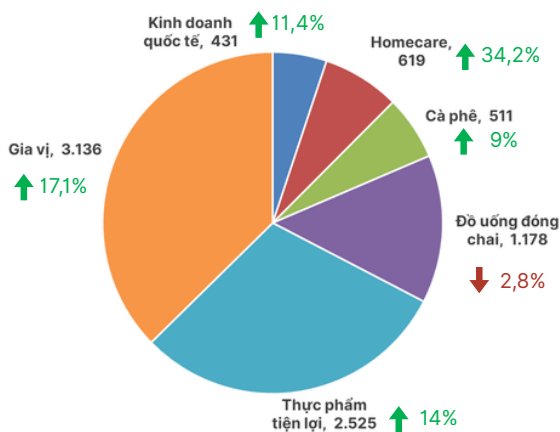
Nguồn: MNS, SHS Research

## II. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN:

### Kết quả kinh doanh MCH theo quý (tỷ VND)



### Cơ cấu doanh thu Quý I/2026 của MCH (tỷ đồng)



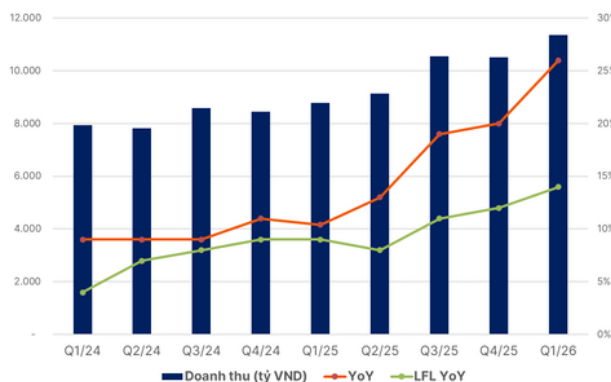
Nguồn: MSN

### Masan Consumer (MCH)

- Doanh thu quý I đạt 8.472 tỷ đồng (+13,1% YoY), biên lãi gộp tăng 1,3% so với quý IV/2025, đạt 46,7%. Lãi sau thuế quay trở lại tăng trưởng dương sau 4 quý giảm liên tiếp, ghi nhận 1.800 tỷ đồng (+11,5% YoY),
- Các chỉ số hiệu quả hoạt động cho thấy sự cải thiện trong quý I sau giai đoạn công ty triển khai tái cơ cấu lại hệ thống phân phối (Retail Supreme). Số lượng điểm bán tăng 90% lên 430.000 điểm, doanh thu trung bình tháng kênh GT tăng 12% YoY so với -2,7% trước đó, số lượng SKU/đơn hàng tăng 17% lên 5,5. Công ty kỳ vọng số lượng điểm bán sẽ đạt 600.000, SKU/đơn hàng đạt 6,2 sau 6T/2026.
- Ngành Gia vị tăng trưởng 17%YoY nhờ động lực chính từ nước mắm (đóng góp 80% vào sự tăng trưởng) với các sản phẩm mới (Chinsu 365 ngày ủ chượp 40 độ đậm, Nam Ngư đặc sản vùng miền...). Ngành HPC tăng trưởng mạnh nhất (+34% YoY) nhờ mở rộng phân phối các sản phẩm Homey, Chante sang kênh GT sau thời gian thử nghiệm tại hệ thống WinCommerce. Doanh thu ngành thực phẩm tiện lợi tăng 14% nhờ đóng góp của các dòng sản phẩm cao cấp (+18%). Ngành Đồ uống tiếp tục xu hướng suy giảm, doanh thu -2,8%YoY mặc dù tốc độ đã chậm lại so với quý IV/2025. Doanh thu xuất khẩu đạt 431 tỷ đồng (+ 11,4% YoY).
- Thông qua nền tảng số, đã có 320.000 nhà bán lẻ truyền thống tham gia chương trình Hội viên bán lẻ, qua đó có thể kết nối và đặt hàng trực tiếp với MCH, nâng cao hiệu quả bán hàng và trao đổi thông tin 2 chiều.
- Năm 2026, MCH đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 10%-15%. Tới năm 2030, MCH đặt mục tiêu doanh thu sẽ tăng 2,3 lần so với 2025, chiếm 65% thị phần ngành gia vị, 51% thị phần ngành hàng tiêu dùng tiện lợi và 25% thị phần trong ngành đồ uống-hàng chăm sóc gia đình, doanh thu xuất khẩu chiếm từ 10%-20% tổng doanh thu.

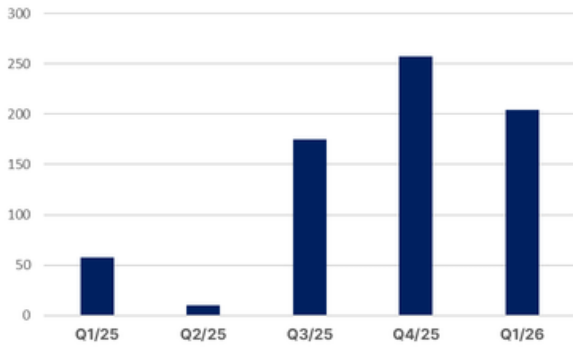
### WinCommerce (WCM)

#### Tăng trưởng doanh thu WCM



- Trong Quý I, WCM ghi nhận doanh thu 11.363 tỷ đồng (+29,4% YoY), tăng trưởng doanh thu LFL toàn hệ thống đạt 14,3%, cao hơn so mức 11,3% của Quý IV/2025 và 9% của năm 2025. Công ty mở mới 225 cửa hàng, trong đó 87% là các cửa hàng WinMart+ Nông thôn, qua đó giúp cho doanh thu của hệ thống này tăng cao nhất (+59 YoY) so với các mô hình còn lại là Win (+16% YoY), WinMart (+18% YoY). Lợi nhuận sau thuế trước cổ đông thiểu số (NPAT Pre MI) đạt 204 tỷ đồng (gấp 3,5 lần cùng kỳ) và là quý thứ 7 liên tiếp có lãi.

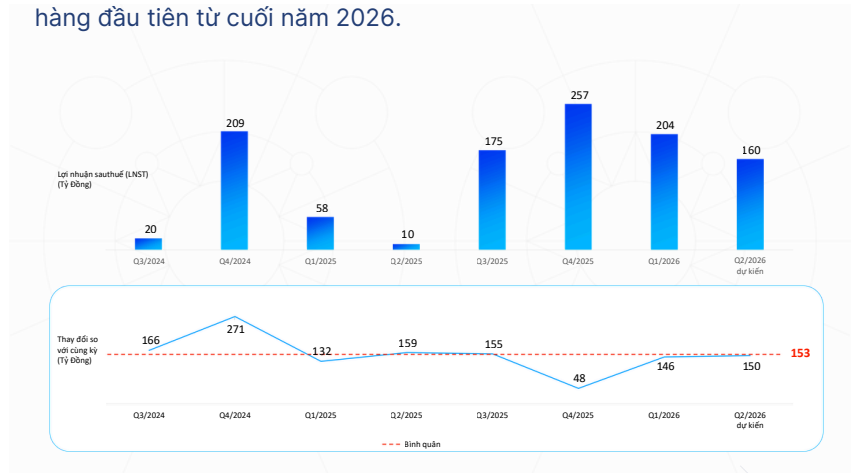
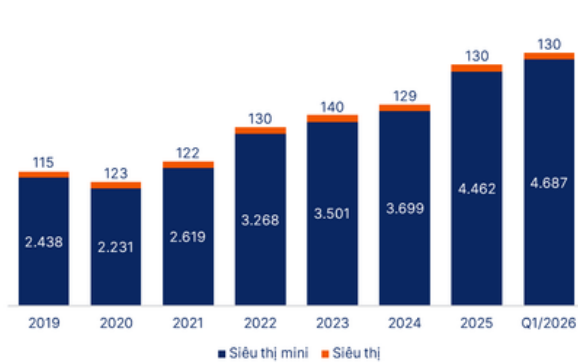
**Lãi sau thuế WCM (tỷ đồng)**



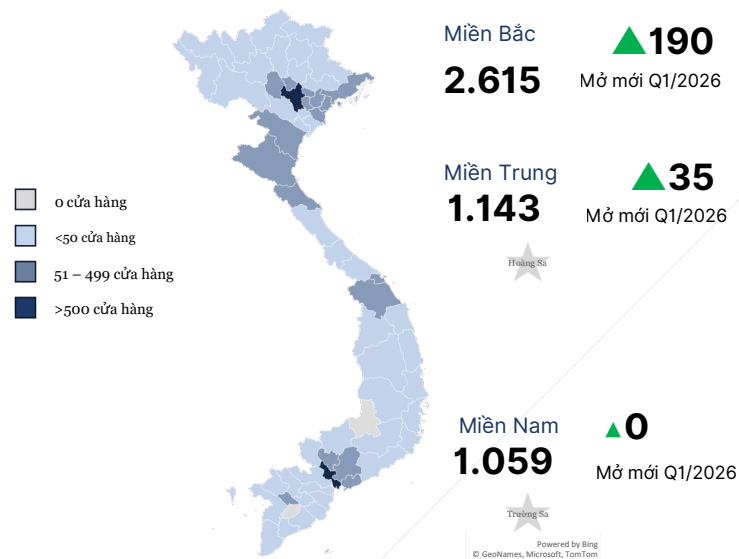
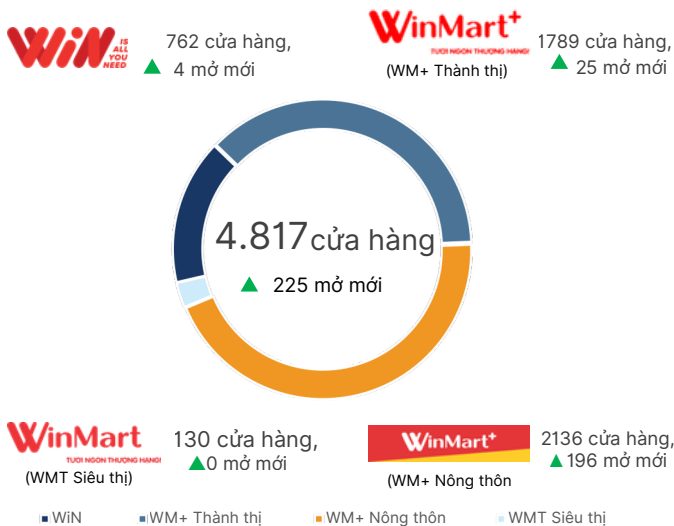
Nguồn: MSN, SHS tổng hợp

- Trong năm 2026, WCM dự kiến mở mới 1.500 siêu thị, nâng số lượng cửa hàng lên 6.100 cửa hàng và đặt kế hoạch 47.000 tỷ đồng doanh thu (+21% YoY), lãi sau thuế 1.000 tỷ đồng (+100% YoY).
- Chiến lược tới năm 2030 của WCM là sẽ tiếp tục mở mới hàng năm từ 1.500 - 2.000 cửa hàng để đạt 13.000 cửa hàng vào năm 2030, trong đó tập trung vào khu vực nông thôn (70% cửa hàng mở mới) để tận dụng xu hướng dịch chuyển nhanh từ mô hình truyền thống (GT) sang hiện đại (MT). Doanh thu năm 2030 dự kiến đạt 120.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 7.200 tỷ đồng. Đối với mô hình cửa hàng tiện lợi (CVS), Công ty cho biết đang nghiên cứu về mô hình và dự kiến sẽ thử nghiệm một số cửa hàng đầu tiên từ cuối năm 2026.

**Tăng trưởng số lượng điểm bán WCM**



**Bản đồ cửa hàng WCM<sup>1</sup>**



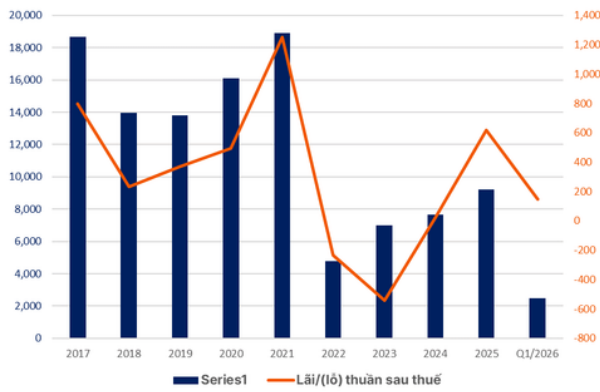
Nguồn: MSN, SHS tổng hợp



(1) Bản đồ được xây dựng dựa trên phân chia hành chính của Việt Nam trước đợt điều chỉnh mới nhất của Chính phủ Việt Nam

### Masan MEATLife (MML)

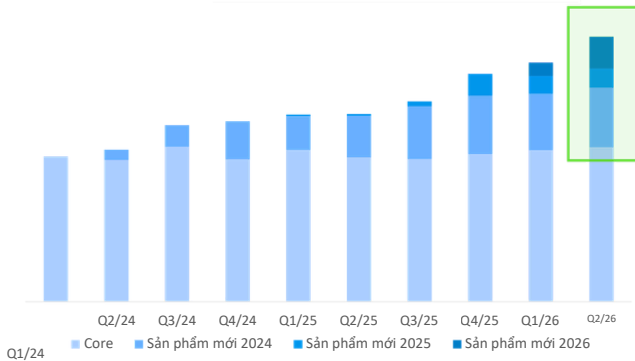
#### Kết quả kinh doanh của MML (Tỷ đồng)



Nguồn: MSN, SHS tổng hợp

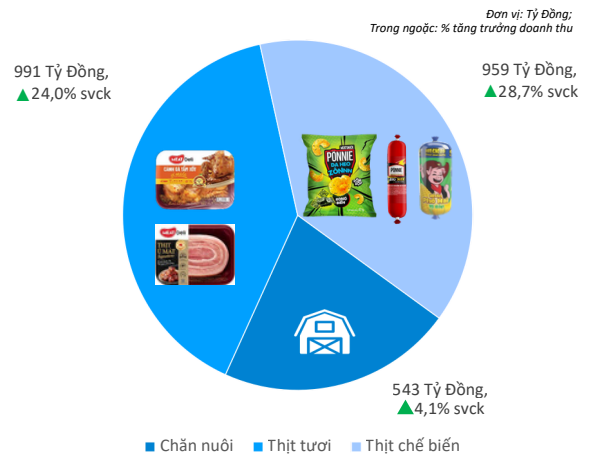
- Trong Quý I doanh thu của MML ghi nhận 2.479 tỷ đồng (+19,8%YoY) trong đó thịt lợn mát tăng 24%, thịt chế biến tăng 29% so cùng kỳ 2025. Việc đẩy mạnh sản phẩm chế biến cũng giúp biên lãi gộp tiếp tục tăng lên 29,1%, so với 27,8% của năm 2025 và 27,6% cùng kỳ, lãi sau thuế tăng 27,2%, đạt 147,1 tỷ đồng dù doanh thu tài chính giảm do không còn khoản thu bất thường như cùng kỳ.
- Hiện tại MML đang chiếm 2% thị phần thị trường thịt và phần lớn phân phối thông qua WinCommerce. Tới năm 2030 công ty dự kiến sẽ nắm 15% thị phần thông qua xây dựng thương hiệu MeatDeli trở thành giải pháp bữa ăn tiện lợi, phát triển các sản phẩm mới và mở rộng hệ thống phân phối thông qua hệ thống các điểm bán của Masan Consumer.
- Năm 2026, MML đặt mục tiêu doanh thu tăng 9%-14%, lãi sau thuế từ 150 tỷ - 300 tỷ đồng.

#### 40% Mục tiêu đóng góp của các đổi mới sau năm 2024 vào tổng doanh thu thịt chế biến trong Quý 2/2026



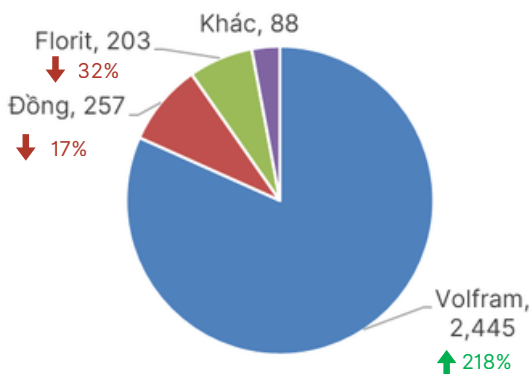
Nguồn: MSN, SHS tổng hợp

#### Cơ cấu doanh thu



### MHT lợi nhuận đột biến nhờ giá sản phẩm tăng cao

#### Cơ cấu doanh thu MHT (Tỷ đồng)



Nguồn: MSN, SHS tổng hợp

- Doanh thu của MHT đạt 2.993 tỷ đồng (+115% YoY) trong đó vonfram đóng góp 81,7% (2.445 tỷ đồng, +18% YoY) nhờ sản lượng tăng 34% YoY trong khi giá bán trung bình quý I tăng gấp 4 lần cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 537 tỷ đồng, tăng 342% so cùng kỳ và là mức lợi nhuận quý cao nhất kể từ khi hoạt động. Với mức giá Vonfram thế giới hiện tại (gần 3.200\$/tấn, gấp 2 lần so với khi xây dựng kế hoạch), Ban lãnh đạo MHT cho biết công ty dự báo có thể hoàn thành vượt kế hoạch năm (tăng trưởng 115%-173% doanh thu và lợi nhuận sau thuế từ 1.700 tỷ - 2.500 tỷ đồng). Trong tháng 2/2026, MHT đã được cấp phép điều chỉnh khai thác phần trữ lượng 28 triệu tấn hàm lò của mỏ Núi Pháo (hiện đang khai thác trữ lượng 55,2 triệu tấn lộ thiên) theo cả phương pháp lộ thiên và hàm lò thời hạn tới năm 2031. Công ty cũng cho biết tới năm 2028 sẽ trả hết nợ vay (khoảng 450 triệu USD) và sau đó sẽ trả cổ tức cho cổ đông.

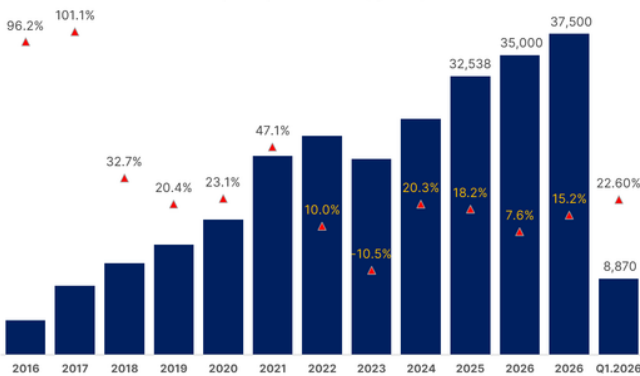
**Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (Techcombank):**

Khả năng sinh lời	Đơn vị:	1Q25	1Q26	N/N
Thu nhập lãi thuần	tỷ VND	8.305	9.522	14,6%
Thu nhập ngoài lãi	tỷ VND	3.306	4.152	25,6%
Tổng thu nhập hoạt động	tỷ VND	11.611	13.674	17,8%
Chi phí hoạt động	tỷ VND	(3.285)	(3.869)	17,8%
Thu nhập trước thuế	tỷ VND	7.236	8.870	22,6%
NFI/TOI <sup>4</sup>	%	21,4%	26,7%	+526 bps
CIR	%	28,3%	28,3%	+0 bps
ROA (LTM)	%	2,3%	2,4%	+14 bps
ROE (LTM)	%	14,9%	15,9%	+97 bps
NIM (LTM) <sup>5</sup>	%	4,1%	3,7%	-49 bps
NIM (LTM) EOP <sup>6</sup>	%	4,0%	3,6%	-36 bps
Chi phí vốn	%	3,4%	4,2%	+77 bps

Nguồn: Techcombank

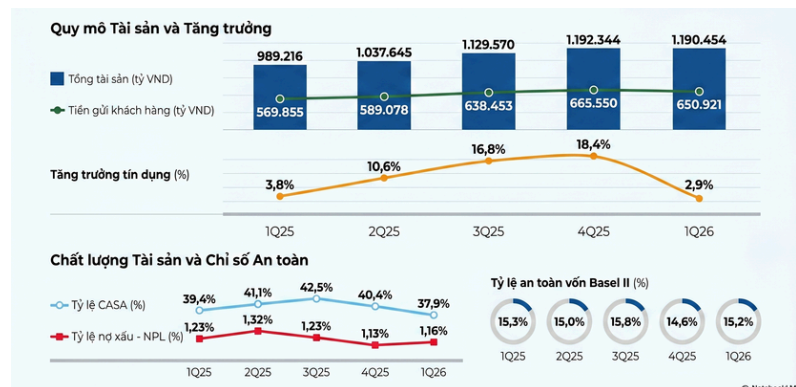
- Quý I năm 2026 TCB đạt 13,7 nghìn tỷ đồng tổng thu nhập hoạt động (TOI) trong đó thu nhập lãi thuần đạt 9,5 nghìn tỷ đồng (+14,6% YoY), NIM giảm xuống 3,7% (cùng kỳ là 4,1%), tăng trưởng tín dụng là 2,9%, cao hơn toàn hệ thống (2,13%), nợ xấu tăng nhẹ lên 1,16%, bao phủ nợ xấu đạt 129,3%. Thu nhập ngoài lãi đạt 4,15 nghìn tỷ đồng (+25,6% YoY) trong đó mảng dịch vụ đạt 3,6 nghìn tỷ đồng (+46,7%) nhờ mảng thanh toán (+158,6%), ngoại hối (+25,4%) và bảo hiểm (+103,4%).
- Chi phí hoạt động ghi nhận 3,87 nghìn tỷ đồng (+17,8%), tỷ lệ CIR là 28,3%. Chi phí dự phòng giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2025.
- Lợi nhuận trước thuế Quý I đạt 8,9 nghìn tỷ đồng, +22,6% YoY. Năm 2026, TCB đặt kế hoạch theo 2 kịch bản theo đó lãi trước thuế tăng 7,6%-15%. Như vậy sau Quý I ngân hàng đã thực hiện được 23,7% kế hoạch theo kịch bản cao.

**Lợi nhuận trước thuế của TCB (tỷ VND)**



Nguồn: Techcombank

**Diễn biến các chỉ tiêu tài chính của TCB theo quý**



Nguồn: Techcombank

### PHỤ LỤC 3

<b>Bảng cân đối kế toán</b> (tỷ VND)	2023A	2024A	2025A	2026F
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>43,763</b>	<b>53,570</b>	<b>36.234</b>	<b>47.601</b>
Tiền/tương đương tiền	10,125	18,618	12.101	18.631
Đầu tư ngắn hạn	6,795	608	5.379	6.449
Các khoản phải thu	11,985	21,865	5.639	6.760
Hàng tồn kho	13,175	10,787	11.262	13.434
Tài sản khác	1,684	1,692	1.853	2.327
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>103,620</b>	<b>94,015</b>	<b>92.729</b>	<b>99.266</b>
Tài sản cố định	42,886	37,050	35.484	34.106
Đầu tư dài hạn	33,219	35,319	39.473	45.286
Xây dựng cơ bản dở dang	3,127	1,671	1.161	1.161
Tài sản khác	24,387	19,976	16.609	18.712
<b>Tổng tài sản</b>	<b>147,383</b>	<b>147,585</b>	<b>128.964</b>	<b>146.867</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>50,423</b>	<b>58,712</b>	<b>40.257</b>	<b>48.216</b>
Phải trả ngắn hạn	6,318	7,171	8.362	10.025
Người mua trả tiền trước	862	197	283	339
Vay nợ ngắn hạn	28,030	26,724	5.265	29.167
Nợ ngắn hạn khác	15,212	24,620	26.347	8.685
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>58,724</b>	<b>48,120</b>	<b>43.627</b>	<b>45.260</b>
Vay nợ dài hạn	41,542	38,825	40.546	42.073
Nợ dài hạn khác	17,182	9,295	3.081	3.187
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>109,146</b>	<b>106,832</b>	<b>83.884</b>	<b>93.475</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>26,560</b>	<b>30,242</b>	<b>45.078</b>	<b>40.397</b>
<b>Vốn góp</b>	<b>14,308</b>	<b>15,129</b>	<b>15,205</b>	<b>15.205</b>
Thặng dư vốn cổ phần	8,723	14,165	14,165	14.165
<b>Lợi nhuận giữ lại</b>	<b>11,798</b>	<b>9,327</b>	<b>14.355</b>	<b>19.405</b>
Vốn khác	-8,270	-8,379	-8,379	(8.377)
Lợi ích cổ đông thiểu số	11,678	10,510	9.730	12.994
<b>Tổng nợ và vốn CSH</b>	<b>147,383</b>	<b>147,585</b>	<b>128.964</b>	<b>146.867</b>

<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b> (tỷ VND)	2023A	2024A	2025A	2026F
<b>Doanh thu</b>	<b>78,252</b>	<b>83,178</b>	<b>81.621</b>	<b>97.845</b>
Giá vốn hàng bán	56,131	58,522	56.040	66.847
Lợi nhuận gộp	22,121	24,656	25.580	30.998
Chi phí BH và QLDN	17,942	17,942	17.915	22.407
Lợi nhuận hoạt động	4,179	6,173	7.665	8.591
Doanh thu tài chính	2,405	4,044	2.094	2.529
Chi phí tài chính	8,130	7,900	6,916	7.198
Lợi nhuận khác	213	-736	-34	-41
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	3,896.0	4,443.8	5.080	5.813
Lợi nhuận trước thuế	2,563	6,025	7.888	9.695
Thuế TNDN	693	1,752	1.125	1.382
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1,870</b>	<b>4,272</b>	<b>6.763</b>	<b>8.313</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,451	2,273	2.655	3.263
<b>LNST của cty mẹ</b>	<b>419</b>	<b>1,999</b>	<b>4.108</b>	<b>5.049</b>
% Biên LNST	2.4%	5.1%	8.3%	8.5%
EPS (VND)	292	1.345	2.702	3.321

<b>Các chỉ số tài chính</b>	2023A	2024A	2025A	2026F
<b>Chỉ số định giá</b>				
SLCP lưu hành (triệu cp)	1.431	1.513	1.520	1.520
EPS (VND)	293	1.321	2.702	3.321
<b>Chỉ số sinh lời</b>				
Biên LN gộp	28,3%	29,6%	31,3%	31,7%
Biên LN ròng	2,4%	5,1%	8,3%	8,5%
ROE	1,6%	7,0%	12,5%	13,6%
ROA	0,3%	1,4%	3,0%	3,6%
<b>Chỉ số đòn bẩy (lần)</b>				
EBIT / lãi vay	0,60	0,96	1,41	1,55
Tỷ số nợ vay/tổng tài sản	47,2%	44,4%	50,3%	48,5%
Tỷ số nợ vay/VCSH	1,82	1,61	1,44	1,33
H.số TT hiện hành	0,87	0,91	0,90	0,99
H.số thanh toán nhanh	0,34	0,33	0,43	0,52

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Khả quan: Kỳ vọng tăng giá từ 10% - 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá đến 10% trong khoảng thời gian 12 tháng

Kém khả quan: Kỳ vọng giảm giá đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Hạ tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Cần lưu ý: Đây là những mã cổ phiếu có những thông tin bất thường hay có giao dịch bất thường... có ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. (Mục tiêu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư)

Không khuyến nghị: Bộ phận nghiên cứu đang hoặc sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các qui định của luật và/hoặc chính sách công ty trong các trường hợp nhất định tránh các xung đột lợi ích, ví dụ như SHS đang thực hiện tư vấn chiến lược, IPO...

Chưa khuyến nghị: Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu không được đưa ra do chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không có hiệu lực đối với cổ phiếu này.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt,  
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng 2 Số 06  
Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành  
phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

#### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô  
Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTTC, số 36 Bùi  
Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ  
Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



# SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)



Website: [shs.com.vn](http://shs.com.vn)



Tel: 84.24.38181888



Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)



### GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

**App trading:** SHTrading

**Bảng giá:** [sboard.shs.com.vn](http://sboard.shs.com.vn)

**Web trading:** [trading.shs.com.vn](http://trading.shs.com.vn)